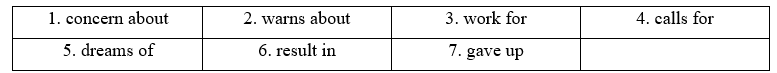
# Unit 6F. Reading (trang 53)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 53 Unit 6F. Reading - Friends Global**  
**Out of work**  
*I can understand a text about a young entrepreneur.*  
**Revision: Student Book page 79**  
**1. Complete the sentences with a verb and a preposition below. Use the correct form of the verb.**  
*(Hoàn thành câu với một động từ và một giới từ dưới đây. Sử dụng dạng đúng của động từ.)*  
**Verbs** work concern disapprove call warn result give  
**Prepositions** about about in up for for of  
1 I \_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_ working abroad. I'd prefer to stay in this country.  
2 Sean's mom usually \_\_\_\_\_\_ him \_\_\_\_\_\_ his spending money wastefully.  
3 My dad has his own business, but he used to \_\_\_\_\_\_ a big bank.  
4 In her book, Silent Spring, Rachel Carson \_\_\_\_\_\_ new policies to protect humans and the environment.  
5 As an ambitious girl, she always \_\_\_\_\_\_ herself \_\_\_\_\_\_ starting up her own company.  
6 Scientists have warned that the widespread use of pesticides may \_\_\_\_\_\_ harmful effects on human health.  
7 After graduating from university, I \_\_\_\_\_\_ the job of a waiter and applied for the position of an accountant.  
**Phương pháp giải:**  
- concern about: quan tâm về  
- give up: từ bỏ  
- call for: kêu gọi  
- warn about: cảnh báo về  
- result in: gây ra  
- work for: làm việc cho  
- dream of: mơ ước  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 I **concern about** working abroad. I'd prefer to stay in this country.  
*(Tôi lo ngại về việc làm việc ở nước ngoài. Tôi thích ở lại đất nước này hơn.)*  
2 Sean's mom usually **warns** him **about** his spending money wastefully.  
*(Mẹ của Sean thường cảnh báo cậu về việc tiêu tiền lãng phí.)*  
3 My dad has his own business, but he used to **work for** a big bank.  
*(Bố tôi có công việc kinh doanh riêng nhưng ông từng làm việc cho một ngân hàng lớn.)*  
4 In her book, Silent Spring, Rachel Carson **calls for** new policies to protect humans and the environment.  
*(Trong cuốn sách Mùa xuân im lặng, Rachel Carson kêu gọi những chính sách mới để bảo vệ con người và môi trường.)*  
5 As an ambitious girl, she always **dreams** herself **of** starting up her own company.  
*(Là một cô gái đầy tham vọng, cô luôn mơ ước thành lập công ty riêng của mình.)*  
6 Scientists have warned that the widespread use of pesticides may **result in** harmful effects on human health.  
*(Các nhà khoa học đã cảnh báo rằng việc sử dụng rộng rãi thuốc trừ sâu có thể gây ra những ảnh hưởng có hại cho sức khỏe con người.)*  
7 After graduating from university, I **gave up** the job of a waiter and applied for the position of an accountant.  
*(Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi nghỉ việc bồi bàn và ứng tuyển vào vị trí kế toán.)*  
**2. Read the newspaper article. Are the sentences true (T) or false (F)?**  
*(Đọc bài báo. Các câu này đúng (T) hay sai (F)?)*  
1 Omar Bashir is in his twenties. ☐  
2 He doesn't have a university qualification. ☐  
3 He finally got a job. ☐  
**HOW TO SELL YOURSELF**  
WOULD YOU STAND OUTSIDE THE LONDON UNDERGROUND LOOKING FOR A JOB? THAT IS PRECISELY WHAT 23-YEAR-OLD OMAR BASHIR DID LAST SUMMER. **1**\_\_\_\_\_\_HE STAYED THERE FROM 7 A.M. HOLDING UP A BIG SIGN WHICH READ: “economics graduate with experience. Looking for career opportunies. Could you help me? Grab my CV here.”  
   
Omar had qualified with a good degree in economics from City University, London, and had been working in a basic marketing job for some time. In order to further his career, he had applied for nearly 100 jobs, but without success. He said, ‘The graduate job market is extremely competitive and good grades are not good enough. **2**\_\_\_\_\_\_’  
So he took advice from his father, who he greatly admired. His father and uncle used to have market stalls in Petticoat Lane which sold women’s clothes and mobile phone accessories. **3**\_\_\_\_\_\_ ‘I picked up a lot of my selling skills from there,’ Omar said. His father told him, ‘You can sell anything.’ So then Omar decided that the time had come to tell himself.  
On the second day, Omar stood outside another underground station, this time Cannon Street, with the same sign. **4**\_\_\_\_\_\_Early on the second day, however, he was noticed by the CEO of a top insurance firm, who took his CV. He was called in for an interview that afternoon, and at the end of the day he had a job. David Ross, who gave Omar the interview, said, ‘Omar’s work ethic, inclusive nature, willingness to learn and humility means that he has fitted straight into the organisation.’  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 Omar Bashir is in his twenties.  
*(Omar Bashir đang ở độ tuổi hai mươi.)*  
Thông tin: “*THAT IS PRECISELY WHAT 23-YEAR-OLD OMAR BASHIR DID LAST SUMMER.”*  
*(đó chính xác là những gì omar bashir 23 tuổi đã làm mùa hè năm nay.”)*  
**=> Chọn True**  
2 He doesn't have a university qualification.  
*(Anh ấy không có bằng đại học.)*  
Thông tin: “Omar had qualified with a good degree in economics from City University, London,”  
*(Omar có bằng tốt nghiệp loại giỏi về kinh tế tại Đại học City, London,)*  
**=> Chọn False**  
3 He finally got a job.  
*(Cuối cùng anh ấy cũng có được việc làm.)*  
Thông tin: “He was called in for an interview that afternoon, and at the end of the day he had a job.”  
*(Chiều hôm đó anh ấy được gọi đến phỏng vấn, và cuối ngày anh ấy có việc làm.)*  
**=> Chọn True**  
**Reading Strategy**  
When you are doing a gapped-sentence task:  
1 Fill in the easiest gaps first.  
2 When you have filled all the gaps, try the extra sentences in each gap again to make sure they don't fit.  
*(Chiến lược đọc*  
*Khi bạn đang làm bài tập có chỗ trống trong câu:*  
*1 Điền vào những khoảng trống dễ dàng nhất trước tiên.*  
*2 Khi bạn đã điền hết các chỗ trống, hãy thử lại các câu bổ sung ở mỗi chỗ trống để đảm bảo chúng không khớp.)*  
**3. Read the Reading Strategy. Then match sentences A-F with gaps 1-4 in the text. There are two extra sentences.**  
*(Đọc Chiến lược đọc. Sau đó nối các câu A-F với khoảng trống 1-4 trong đoạn văn. Có hai câu bị thừa.)*  
A It's important to do something that catches people's attention.  
B He thought the job offer was too good to be true.  
C He found a place at the top of the stairs at Bank Station in the heart of London's financial district.  
D Although the first day had resulted in some interesting conversations, nothing had come of them.  
E Omar used to help them at weekends.  
F He was offered £5,000 more than his current job.  
**Phương pháp giải:**  
\*Nghĩa của các câu A – F   
A It's important to do something that catches people's attention.  
*(Điều quan trọng là phải làm điều gì đó thu hút sự chú ý của mọi người.)*  
B He thought the job offer was too good to be true.  
*(Anh ấy nghĩ rằng lời mời làm việc quá tốt để có thể tin là sự thật.)*  
C He found a place at the top of the stairs at Bank Station in the heart of London's financial district.  
*(Anh ta tìm được một chỗ ở đầu cầu thang tại Nhà ga Ngân hàng ở trung tâm khu tài chính Luân Đôn.)*  
D Although the first day had resulted in some interesting conversations, nothing had come of them.  
*(Mặc dù ngày đầu tiên đã có một số cuộc trò chuyện thú vị nhưng chẳng có kết quả gì cả.)*  
E Omar used to help them at weekends.  
*(Omar đã từng giúp đỡ họ vào cuối tuần.)*  
F He was offered £5,000 more than his current job.  
*(Anh ấy được đề nghị nhiều hơn 5.000 bảng so với công việc hiện tại.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**Bài hoàn chỉnh**  
**HOW TO SELL YOURSELF**  
WOULD YOU STAND OUTSIDE THE LONDON UNDERGROUND LOOKING FOR A JOB? THAT IS PRECISELY WHAT 23-YEAR-OLD OMAR BASHIR DID LAST SUMMER. **1** **He found a place at the top of the stairs at Bank Station in the heart of London’s financial district.** HE STAYED THERE FROM 7 A.M. HOLDING UP A BIG SIGN WHICH READ: “economics graduate with experience. Looking for career opportunies. Could you help me? Grab my CV here.”  
Omar had qualified with a good degree in economics from City University, London, and had been working in a basic marketing job for some time. In order to further his career, he had applied for nearly 100 jobs, but without success. He said, ‘The graduate job market is extremely competitive and good grades are not good enough. **2 It’s important to do something that catches people’s attention.**’  
So he took advice from his father, who he greatly admired. His father and uncle used to have market stalls in Petticoat Lane which sold women’s clothes and mobile phone accessories. **3 Omar used to help them at weekends.** ‘I picked up a lot of my selling skills from there,’ Omar said. His father told him, ‘You can sell anything.’ So then Omar decided that the time had come to tell himself.  
On the second day, Omar stood outside another underground station, this time Cannon Street, with the same sign. **4 Although the first day had resulted in some interesting conversations, nothing had come of them.** Early on the second day, however, he was noticed by the CEO of a top insurance firm, who took his CV. He was called in for an interview that afternoon, and at the end of the day he had a job. David Ross, who gave Omar the interview, said, ‘Omar’s work ethic, inclusive nature, willingness to learn and humility means that he has fitted straight into the organisation.’  
**Tạm dịch**  
*CÁCH BÁN CHÍNH MÌNH*  
*BẠN CÓ MUỐN ĐỨNG BÊN NGOÀI LONDON TÌM KIẾM VIỆC LÀM KHÔNG? ĐÓ CHÍNH XÁC NHỮNG GÌ OMAR BASHIR 23 TUỔI ĐÃ LÀM MÙA HÈ NĂM NAY. Anh tìm được một chỗ ở đầu cầu thang tại Nhà ga Ngân hàng ở trung tâm khu tài chính Luân Đôn. Ngài ở đó từ 7 giờ sáng. GIỮ MỘT TẤM BIỂN LỚN CÓ ĐỌC: “tốt nghiệp kinh tế có kinh nghiệm. Đang tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp. Bạn có thể giúp tô khôngi? Lấy CV của tôi ở đây.”*  
*Omar đã có bằng tốt nghiệp loại giỏi về kinh tế tại Đại học City, London và đã làm công việc tiếp thị cơ bản một thời gian. Để phát triển sự nghiệp hơn nữa, anh đã nộp đơn xin việc gần 100 lần nhưng không thành công. Ông nói: ‘Thị trường việc làm sau đại học cực kỳ cạnh tranh và điểm tốt thôi là chưa đủ. Điều quan trọng là phải làm điều gì đó thu hút sự chú ý của mọi người.”*  
*Vì vậy, anh đã nghe lời khuyên từ cha mình, người mà anh vô cùng ngưỡng mộ. Cha và chú của anh từng có sạp hàng ở ngõ Petticoat chuyên bán quần áo phụ nữ và phụ kiện điện thoại di động. Omar thường giúp đỡ họ vào cuối tuần. Omar nói: “Tôi đã học được rất nhiều kỹ năng bán hàng của mình từ đó. Cha anh nói với anh: ‘Con có thể bán bất cứ thứ gì.’ Vì vậy, Omar quyết định rằng đã đến lúc phải tự nói với mình.*  
*Vào ngày thứ hai, Omar đứng bên ngoài một ga tàu điện ngầm khác, lần này là Phố Cannon, cũng có biển báo tương tự. Mặc dù ngày đầu tiên đã có một số cuộc trò chuyện thú vị nhưng chẳng thu được kết quả gì. Tuy nhiên, vào sáng sớm ngày thứ hai, anh đã bị CEO của một công ty bảo hiểm hàng đầu chú ý và lấy CV của anh. Chiều hôm đó anh được gọi đến phỏng vấn và cuối ngày anh đã có việc làm. David Ross, người đã trả lời phỏng vấn cho Omar, cho biết: 'Đạo đức làm việc, bản chất hòa nhập, sẵn sàng học hỏi và khiêm tốn của Omar có nghĩa là anh ấy đã hòa nhập thẳng vào tổ chức.'*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 6A. Vocabulary (trang 48)**  
**Unit 6B. Grammar (trang 49)**  
**Unit 6C. Listening (trang 50)**  
**Unit 6D. Grammar (trang 51)**  
**Unit 6E. Word Skills (trang 52)**  
**Unit 6G. Speaking (trang 54)**  
**Unit 6H. Writing (trang 55)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities  
Cumulative Review